TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 776/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 29 - 10- 2019
V/v Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Phan Minh Trâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Y.

Ông Phạm Thành Trại.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Ngô Hoàng Huy, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa***: Bà Lương Thị Trà My - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 704/2019/TLST-HNGĐ ngày 02/10/2019 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 201/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/10/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Trần Thị G** , sinh ngày 31/8/2001.

Địa chỉ số: 22/6, Tổ 1, Ấp NL, xã TCN, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

Bị đơn: Anh **Dương Hoàng M**, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Tổ 12, Ấp TB, xã TCN, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

(Chị G, anh M đều có mặt phiên Tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***** Tại đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử nguyên đơn là chị Trần Thị G Trình trình bày: Chị và anh M chung sống với nhau vào tháng 10 năm 2018 có tổ chức đám cưới, nhưng đến nay không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng lthời gian đầu sống hạnh phúc. Đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng, do anh M không lo cho gia đình và bất đồng với nhau về quan điểm sống. Từ đó anh chị đã sống

ly thân luôn cho đến nay. Nay Chị G nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn lại được, nên yêu cầu Tòa cho chị được ly hôn với anh M.

Về con chung: Có một con chung tên Trần Hữu H, sinh ngày 05/06/2019 hiện nay cháu đang sống chung với chị. Khi ly hôn Chị G yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng nuôi con chung, đồng thời tại phiên tòa chị đồng ý để anh M cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 2.000.000 đồng cho đến khi con chung trưởng thành.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

***** Tại bản tự khai ngày 02/10/2019 và trong quá trình xét xử bị đơn là anh Dương Hoàng M trình bày: anh và Chị G có tổ chức làm đám cưới nhưng đến nay không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng do bất đồng với nhau về quan điểm sống. Nay Chị G yêu cầu ly hôn anh đồng ý ly hôn. Về con chung có một con chung tên Trần Hữu H, sinh ngày 05/06/2019, hiện nay con chung đang sống với Chị G. Khi ly hôn anh đồng ý giao con chung cho Chị G trực tiếp nuôi dưỡng và đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 2.000.000 đồng cho đến khi con chung trưởng thành.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang phát biểu:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà. Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Chị Trần Thị G và anh Dương Hoàng M chung sống với nhau vào tháng 10/2018 nhưng đến nay không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng do anh chị bất đồng với nhau về quan điểm sống, từ đầu năm 2019 đến nay anh chị đã sống ly thân. Nay Chị G có đơn yêu cầu ly hôn, tại phiên tòa hôm nay anh M cũng đồng ý ly hôn. Nhưng do Chị G và anh M không có đăng ký kết hôn nên đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận Chị G và anh M là vợ chồng; Về con chung giao Trần Hữu H, sinh ngày 05/06/2019 cho Chị G trực tiếp nuôi dưỡng. Anh M phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 2.000.000 đồng, cho đến khi con chung trưởng thành;Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Do chị Trần Thị G và anh Dương Hoàng M chung sống với nhau vào tháng 10 năm 2018 nhưng đến nay không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng do anh chị bất đồng với nhau về quan điểm sống. Chị G có đơn yêu cầu ly hôn, tại phiên Tòa hôm nay anh M cũng đồng ý ly hôn, do đó anh chị thống

nhất ly hôn. Tuy nhiên, do Chị G và anh M không có đăng ký kết hôn, nên Hội đồng xét xử không công nhận Chị G và anh M là vợ chồng là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[2] Về con chung: Chị G và anh M thống nhất có một con chung tên Trần Hữu H, sinh ngày 05/06/2019. Hiện nay cháu H đang sống chung với Chị G. Tại phiên Tòa, anh M và Chị G thống nhất giao con chung cho Chị G trực tiếp nuôi dưỡng, anh M tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu H trưởng thành. Xét thấy, việc thỏa thuận và tự nguyện của anh chị là phù hợp với quy định pháp luật tại các Điều 81,82,83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có

[3] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của Chị G được chấp nhận, nên Chị G phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Anh M đã tự nguyện cấp dưỡng nuôi con nên anh M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Xét phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 14, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu của chị Trần Thị G.

1/ Về hôn nhân: Không công nhận chị Trần Thị G và anh Dương Hoàng M là vợ chồng.

Về con chung: Giao con chung tên Trần Hữu H sinh ngày 05/06/2019 cho chị Trần Thị G trực tiếp nuôi dưỡng. Anh M phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 2.000.000 đồng cho đến khi con chung trưởng thành.

Anh M được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở quyền này.

Về tài sản chung: Không có

Về nợ chung: Không có.

2/ Về án phí: Chị Trần Thị G phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu số 01386 ngày 30/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang nên Chị G đã nộp xong án phí.

- Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu HS-AV.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

ĐÃ KÝ

Trịnh Phan Minh Trâm